TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2023/DS-ST
Ngày 29 - 6 - 2023
V/v *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Hải** và ông **Đặng Công Tâm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 29.6.2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2023/TLST-DS ngày 16.02.2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-DS ngày 20.5.2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-DS ngày 16.6.2023, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T**. Trụ sở: đường N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Đình V - Sinh năm 1975. Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP T. Địa chỉ: đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Quyết định ủy quyền số: 3270/2022/QĐ-PL ngày 26.12.2022; Giấy ủy quyền số: 534/2022/GUQ-CNSH ngày 30.12.2022 và Giấy ủy quyền số: 537/2022/GUQ-CNSH ngày 30.12.2022 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Cẩm N** - Sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ hiện nay: đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16.01.2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T trình bày:

Ngày 12.4.2016, bà Trần Cẩm N có ký với Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Cẩm N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ đến thời điểm ngày

23.02.2022, Ngân hàng đã chấp thuận nâng hạn mức tín dụng cho bà Trần Cẩm N đến 132.000.000 đồng. Lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 2.15%/tháng; kể từ ngày 15.9.2019 là 2.6%/tháng và kể từ ngày 01.11.2022 là 2,76%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Cẩm N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 3.648.730.190 đồng; đã thanh toán được số tiền gốc là 3.556.323.279 đồng, tiền phí là 10.518.121 đồng và tiền lãi là 48.889.374 đồng nhưng sau đó không trả nữa. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Trần Cẩm N vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Trần Cẩm N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01.01.2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 29.6.2023, bà Trần Cẩm N còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 189.607.026 đồng (trong đó nợ gốc 151.814.406 đồng; lãi quá hạn 37.792.620 đồng). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Cẩm N phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30.6.2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bà Trần Cẩm N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bà Trần Cẩm N không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trần Cẩm N đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà Trần Cẩm N thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Trần Cẩm N có nơi cư trú tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là bà Trần Cẩm N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) mà bà Trần Cẩm N ký với Ngân hàng TMCP T ngày 12.4.2016 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia ký kết.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù bà Trần Cẩm N vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP T cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà bà Trần Cẩm N ký với Ngân hàng có mục đích tiêu dùng với hạn mức 50.000.000 đồng; lãi suất 2,15%/tháng. Căn cứ vào thu nhập của bà Trần Cẩm N, Ngân hàng đã nâng dần hạn mức tín dụng cho bà Trần Cẩm N đến 132.000.000 đồng. Lãi suất được điều chỉnh kể từ ngày 15.9.2019 là 2,6%/tháng và kể từ ngày 01.11.2022 là 2,76%/tháng; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo hàng tháng của Ngân hàng.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Trần Cẩm N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 3.648.730.190 đồng; đã thanh toán được số tiền gốc là 3.556.323.279 đồng, các khoản phí là 10.518.121 đồng và tiền lãi là 48.889.374 đồng. Do bà Trần Cẩm N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, kể từ ngày 01.01.2023 là đúng với quy định tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 29.6.2023, bà Trần Cẩm N còn nợ Ngân hàng TMCP T số tiền là 189.607.026 đồng (trong đó nợ gốc 151.814.406 đồng; lãi quá hạn 37.792.620 đồng).

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 18 và 19 của Điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì bà Trần Cẩm N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP T khởi kiện yêu cầu bà Trần Cẩm N phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc bà Trần Cẩm N phải trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tính đến ngày 29.6.2023 là 189.607.026 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 30.6.2023 cho đến khi

thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 12.4.2016.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP T được chấp nhận nên bà Trần Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T đối với bà Trần Cẩm N.

Xử:

1. Buộc bà Trần Cẩm N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền tính đến ngày 29.6.2023 là 189.607.026 đồng (nợ gốc 151.814.406 đồng; lãi quá hạn 37.792.620 đồng).

Kể từ ngày 30.6.2023, bà Trần Cẩm N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 12.4.2016 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Cẩm N phải chịu là 9.480.351 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T 3.879.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007154 ngày 15.02.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Diện